

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143 /2020/DS-PT

Ngày: 12/5/2020

V/v: “*Tranh chấp chia tài sản chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Toàn Giang

Các Thẩm phán :
Bà Hoàng Thị Thu Lan
Ông Trương Chí Anh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Hiền- Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà
Trịnh Thu Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 12/5/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm
công khai vụ án dân sự thụ lý số 348/2020/TLPT-DS ngày 02/12/2020 về việc:
“*Tranh chấp chia tài sản chung*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DSST ngày 05/8/2019 của Tòa án nhân
dân huyện Thanh Trì bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2020/QĐXXPT-DS ngày
28/02/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến Trung, sinh năm 1968.

Trú tại: Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trung là Luật sư Phạm Văn
Huân- Văn phòng luật sư Kim Giang và cộng sự - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.
(Vắng mặt).

Bị đơn: 1/ Ông Nguyễn Duy Đức, sinh năm 1945 (có mặt)

2/ Ông Nguyễn Duy Dũng, sinh năm 1960 (có mặt)

Cùng trú tại: Đội 7, thôn Vĩnh Ninh, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, Hà Nội

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị Hảo, sinh năm 1940 (vắng mặt)

Trú tại: Số 52, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Hà
Nội

2/ Ông Nguyễn Duy Phúc, sinh năm 1947 (có mặt)

Trú tại: 111A1 Giảng Võ, quận Ba Đình, Hà Nội

3/ Ông Nguyễn Duy Trí, sinh năm 1957 (có mặt)

Trú tại: 67B6 phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

4/ Ông Nguyễn Duy Dung (tức Thuyết), sinh năm 1965 (có mặt)

Trú tại: Đội 11, thôn Vĩnh Ninh, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, Hà Nội

5/ Bà Nguyễn Thị Hòa (tức Bẩy), sinh năm 1958 (có mặt)

Trú tại: Tổ 22, Khu ga thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Hà Nội

6/ Bà Nguyễn Thị Vĩnh, sinh năm 1952 (có mặt)

7/ Bà Đỗ Thị Thịnh, sinh năm 1948 (vợ ông Đức xin vắng mặt)

8/ Bà Trần Thị Đỗ, sinh năm 1961 (vợ ông Dũng – có mặt)

9/ Chị Nguyễn Thị Mai Hương, sinh năm 1996 (con ông Dũng xin vắng mặt)

10/ Bà Nguyễn Thị Nga, sinh năm 1966 (vợ ông Trung)(xin vắng mặt)

11/ Chị Nguyễn Thị Nguyệt, sinh năm 1990 (con ông Trung xin vắng mặt)

12/ Chị Đồng Thị Thu Hòa, sinh năm 1980 (con bà Vĩnh xin vắng mặt)

13/ Anh Nguyễn Huy Nam, sinh năm 1998 (con bà Vĩnh xin vắng mặt)

Cùng trú tại: Đội 7, thôn Vĩnh Ninh, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/6/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Tiến Trung trình bày:

Bố mẹ ông Nguyễn Tiến Trung là cụ Nguyễn Tiến Vượng (mất năm 2001) và cụ Nguyễn Thị Thi (mất năm 1991). Hai cụ sinh được 09 người con là ông Nguyễn Duy Đức, ông Nguyễn Duy Dũng, ông Nguyễn Duy Dung (tức Nguyễn Duy Thuyết), bà Nguyễn Thị Hảo, ông Nguyễn Duy Phúc, bà Nguyễn Thị Vĩnh, ông Nguyễn Duy Trí, bà Nguyễn Thị Hòa và ông Nguyễn Tiến Trung. Ngoài ra hai cụ không còn người con nuôi, con riêng nào.

Cụ Vượng và cụ Thi có khối tài sản là ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất 948 m² (đo đạc thực tế là 997,9 m²) thuộc thửa số 300, tờ bản đồ 04 (bản đồ 1986) tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội. Năm 1986, ông Trung kết hôn với bà Nguyễn Thị Nga, sau khi kết hôn vợ chồng ông Trung ở tại ngôi nhà cấp 4 của hai cụ. Quá trình chung sống, ông bà có dựng thêm một nhà tạm khung sắt lợp tôn khoảng 16,5m² tại phần đất ao do ông Dũng san lấp để sử dụng. Đến năm 2016, do nhà đất bị hư hỏng, vợ chồng ông bà và con gái là chị Nguyễn Thị Nguyệt đã chuyển ra nơi khác ở. Chị Nguyệt con gái ông bà không có công sức xây dựng gì trên phần nhà đất ông bà ở. Ngoài ra trên diện tích đất bố mẹ ông để lại có 67m² ngõ đi chung (rộng 1,5m) là lát bê tông do nhà nước cấp nguyên liệu xây dựng còn các anh chị em đóng góp công sức xây nên.

Năm 1991, cụ Thi chết, trước khi chết cụ Thi không để lại di chúc phân chia tài sản gì. Năm 1994 cụ Vượng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thừa đất nêu trên. Trong diện tích đất này có 64m² đất 5% là của ông Trung được cấp vào năm 1980 khi đổi trừ đất của cụ Thi. Hiện trên thửa đất ngoài ngôi nhà của hai cụ ông đang quản lý, sử dụng còn có nhà của ông Đức và ông Dũng xây dựng và hai ông hiện cũng đang ở tại nhà đất này.

Năm 2001, cụ Vượng chết, trước khi chết cụ Vượng không để lại di chúc phân chia tài sản gì. Nay ông Trung khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Thi, cụ Vượng để lại là 884m² đất theo quy định của pháp luật và trả lại ông diện tích đất 5% là 64m² đất đã được đổi trừ tại diện tích đất ao.

Bị đơn là ông Nguyễn Duy Đức, ông Nguyễn Duy Dũng cùng thống nhất xác nhận lời trình bày của ông Trung về quan hệ huyết thống.

Hai ông xác nhận cụ Thi, cụ Vượng có khối tài sản là ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất 948 m² (đo đạc thực tế là 997,9 m²) thuộc thửa số 300, tờ bản đồ 04 tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội. Năm 1991, cụ Thi chết, trước khi chết cụ Thi không để lại di chúc phân chia tài sản gì. Đến năm 1994, cụ Vượng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thừa đất nêu trên. Toàn bộ diện tích đất này không có đất 5% là 64m² của ông Nguyễn Tiến Trung. Cụ Vượng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên toàn bộ diện tích đất 948m² đất là của cụ Vượng. Ngày 29/12/2000, cụ Vượng đã quyết định chia đất cho 7 người con thể hiện bằng bản khai cho tặng quyền sở hữu nhà, công trình và quyền sử dụng đất trong khuôn viên. Bản khai tặng này có chữ ký của cụ Vượng và mỗi người được tặng cho và có xác nhận của UBND xã Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội. Cụ thể: ông Đức được chia 73,5m² nhà cấp 4 trên diện tích 137,9m² đất; ông Phúc được chia 83m² đất vườn, ông Nguyễn Duy Trí được chia 99,75m² đất vườn; ông Nguyễn Duy Dũng được chia 56m² nhà cấp 4 trên diện tích 112m² đất ở và 108 m² đất ao; ông Nguyễn Duy Dung được chia 96m² đất vườn; ông Nguyễn Tiến Trung được chia nhà cấp 4 26m² trên diện tích 78,3m² đất; bà Vĩnh được chia 72m² đất ao.

Năm 2001, cụ Vượng chết và không để lại di chúc phân chia tài sản gì. Ngày 28/01/2011, bảy anh em các ông đã thuê công ty cổ phần khảo sát và đo đạc địa chính vào đo đạc phân chia đất, từ đó anh em các ông mỗi người sử dụng theo khuôn viên riêng. Sau do mâu thuẫn gia đình các ông căng thẳng nên ngày 14/4/2016, 09 anh chị em các ông đã họp và thống nhất lập biên bản họp gia đình phân chia đất trên cơ sở việc cho đất của cụ Vượng và sơ đồ đo đạc do anh em các ông Thuê đo. Theo biên bản này ông Phúc được chia 98m²; ông Trí được chia 153,5m²; ông Dũng được chia 112m², ông Đức được chia 149m²; ông Dung được chia 96,4m²; ông Trung được

chia 79m² và 60m² đất ao diện tích còn dư; bà Vĩnh được chia 74,5m² và giành 66,7m² đất làm ngõ đi chung.

Quá trình quản lý, sử dụng, ông Đức cùng vợ là bà Đỗ Thị Thịnh đã xây dựng nhà ở mái bằng một tầng một tum, nhà lợp tôn, công trình phụ, cổng, sân tường bao để sử dụng; bà Vĩnh đã dựng nhà lợp tôn; vợ chồng ông Trung, bà Nguyễn Thị Nga xây nhà tạm lợp tôn diện tích khoảng 17m² và vợ chồng ông Dũng, bà Trần Thị Đỗ xây nhà 3 tầng cùng sân cổng tường rào để sử dụng.

Nay ông Trung khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Trung vì khi còn sống cụ Vượng đã chia hết đất cho các con và thể hiện việc chia này ngày 14/4/2016, 09 anh chị em các ông đã có biên bản họp phân chia rõ ràng, di sản của cụ Thi và cụ Vượng không còn nữa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Duy Dung (tức Thuyết), bà Nguyễn Thị Vĩnh và bà Nguyễn Thị Hảo cùng thống nhất xác nhận toàn bộ lời trình bày của ông Đức và ông Dũng và cùng đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Trung vì di sản của hai cụ đã được phân chia hết, không còn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Duy Phúc, ông Nguyễn Duy Trí cùng thống nhất xác nhận lời trình bày của ông Trung, ông Đức, ông Dũng về quan hệ huyết thống. Hai ông cùng xác nhận bố mẹ có nhà đất như ông Trung đã trình bày. Hai ông đều thừa nhận trong diện tích đất bố mẹ ông để lại có 64m² đất 5% của ông Trung nên đồng ý trả lại ông Trung diện tích đất này, diện tích đất còn lại đề nghị chia thừa kế theo pháp luật theo yêu cầu khởi kiện của ông Trung.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hòa xác nhận lời trình bày của ông Đức về quan hệ huyết thống. Quá trình chung sống cụ Thi, cụ Vượng có khối tài sản là ngôi nhà ngói 4 gian trên diện tích đất 948 m² tại Đội 7, Vĩnh Vinh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội. Sau khi cụ Thi chết, năm 2000, bố bà là cụ Vượng đã làm bản khai tặng đất cho các con. Những người được tặng cho đất đều ký tại bản cho tặng. Năm 2001, cụ Vượng chết, trước khi chết cụ Vượng không để lại di chúc gì. Ngày 14/4/2016, 09 anh chị em ông bà đã lập biên bản họp gia đình và thống nhất về việc phân chia đất của bố mẹ để lại. Biên bản này cả 9 người đều ký, nhưng sau đó do ông Trung và ông Dũng có tranh chấp với nhau dẫn đến tranh chấp ngày hôm nay, vì vậy bà đề nghị Tòa án hòa giải để anh em giữ được hòa khí, nếu không được Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Thịnh trình bày: Bà Thịnh là vợ ông Nguyễn Duy Đức, sau khi kết hôn vợ chồng bà ở cùng bố mẹ chồng là cụ Thi và cụ Vượng tại nhà đất ở Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà

Nội. Năm 1991, cụ Thi chết, năm 2000, cụ Vượng đã làm bản khai cho tặng đất cho các con và tất cả các con đã đồng ý và ký vào bản tặng cho. Ngày 14/4/2016, 09 anh anh chị em ông Đức đã lập biên bản họp gia đình và thống nhất với nhau về việc phân chia đất theo bản chia đất của cụ Vượng như ông Đức đã trình bày. Nay ông Trung khởi kiện đề nghị Tòa án hòa giải để giữ gìn đoàn kết gia đình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Nga và chị Nguyễn Thị Nguyệt thống nhất trình bày: bà Nga kết hôn với ông Nguyễn Tiến Trung năm 1986. Sau khi kết hôn ông bà ở tại ngôi nhà cấp 4 của bố mẹ chồng là cụ Nguyễn Tiến Vượng và Nguyễn Thị Thi tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội. Quá trình chung sống tại thửa đất vợ chồng bà có dựng thêm một nhà tạm khung sắt lợp tôn trên diện tích đất ao khoảng 16,5m². Con gái ông bà là chị Nguyễn Thị Nguyệt ở cùng với vợ chồng bà không có công sức đóng góp, xây dựng gì. Đến năm 2016, do ngôi nhà cấp 4 bị hư hỏng nặng, nên vợ chồng bà và chị Nguyệt không còn sinh sống trên đất này nữa. Ông Trung khởi kiện, bà Nga đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trung

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Đỗ, chị Nguyễn Thị Mai Hương thống nhất trình bày: Năm 1979 bà Đỗ kết hôn với ông Nguyễn Duy Dũng, sau khi kết hôn vợ chồng bà ở cùng bố mẹ chồng bà tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội. Năm 2000, cụ Vượng chia cho ông Dũng 3 gian nhà cấp 4 có diện tích 54,6m² trên diện tích 112m² và 108m² đất ao. Năm 2006, vợ chồng bà đã lấp ao làm vườn, trồng rau. Năm 2016, vợ chồng bà xây dựng ngôi nhà 3 tầng trên diện tích 100m² được cụ Vượng cho và trên một phần diện tích đất ao vợ chồng bà mua. Ngày 14/4/2016, các con của cụ Thi, cụ Vượng đã họp gia đình và thỏa thuận được với nhau về việc phân chia đất nhưng sau đó ông Trung lại không đồng ý. Nay ông Trung khởi kiện chia thừa kế, bà Đỗ và chị Nguyễn Thị Mai Hương đề nghị Tòa giải quyết theo biên bản phân chia ngày 14/4/2016.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Huy Nam và chị Đồng Thị Thu Hòa thống nhất trình bày: Anh Nam, chị Hòa là con trai và con dâu của bà Nguyễn Thị Vĩnh. Anh chị hiện đang ở cùng bà Vĩnh tại nhà trên thửa đất ở Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội hiện đang tranh chấp giữa ông Trung với ông Đức, ông Dũng. Anh chị được biết, năm 2000 cụ Vượng đã chia cho bà Vĩnh 72m² đất ao. Năm 2006, anh chị có đóng góp tiền bạc và công sức trong việc san lấp đất ao và đóng góp toàn bộ số tiền xây dựng nhà mái tôn trên đất với bà Vĩnh, cụ thể bao nhiêu thì anh chị không tính được. Nay có việc khởi kiện chia thừa kế di sản của cụ Thi, cụ Vượng đề nghị Tòa án hòa giải để mọi người thỏa thuận được với nhau theo di nguyện của cụ Vượng

Bản án sơ thẩm đã Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông Nguyễn Tiến Trung đối với ông Nguyễn Duy Đức, ông Nguyễn Duy Dũng.

Xác nhận tài sản của cụ Nguyễn Thị Thi và cụ Nguyễn Tiến Vượng để lại là 997,9m² đất ở thuộc thửa số 300, tờ bản đồ 04 (bản đồ 1986) tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội có giá trị là 4.839.800.000đ.

Xác nhận văn bản họp gia đình về việc chia tài sản chung ngày 14/4/2016 có hiệu lực pháp luật.

2/ Chia tài sản chung theo biên bản ngày 14/4/2016

- Chia ông Nguyễn Duy Đức quản lý, sở hữu sử dụng 143m² đất (có giá trị 715.000.000đ) trên có nhà 1 tầng 1 tum, nhà lợp tôn; cổng sắt; tường rào gạch hoa sắt; nhà vệ sinh; nhà tắm, tường gạch thuộc thửa đất 300, tờ bản đồ 04 (bản đồ 1986) tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội có ranh giới cụ thể như sau: Cạnh phía Bắc có các đoạn gấp khúc dài 6,84m; 3,48m; 6,09m; 6,42m; Phía Nam giáp ngõ đi chung có các đoạn gấp khúc dài 6,57m; 0,55m; 10,43m; Phía Tây giáp ngõ đi dài 4,63m; Phía Đông giáp đất ông Trung được chia có các đoạn gấp khúc dài 4,04m; 7,03m;

- Chia ông Nguyễn Tiến Trung quản lý sở hữu, sử dụng 79,5m² đất có giá trị 397.500.000đ trên có nhà ngói, sân gạch thuộc thửa số 300, tờ bản đồ 04 (bản đồ 1986) tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội có ranh giới cụ thể như sau: Phía Bắc dài 6,4m; Phía Nam giáp ngõ đi chung là 6,92m; Phía Tây giáp đất ông Đức được chia có các đoạn gấp khúc dài 4,04m; 7,03m; 0,57m; Phía Đông giáp đất ông Dũng được chia có các đoạn gấp khúc dài 4,92m; 7,17m

- Chia ông Nguyễn Duy Dũng quản lý, sở hữu, sử dụng 268m² đất (có giá trị 1.340.000.000đ) trên có nhà 3 tầng; sân gạch, cổng sắt, tường rào, 01 cây sung, 01 cây dừa thuộc thửa số 300, tờ bản đồ 04 (bản đồ 1984) tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội có tứ cận như sau: Phía Bắc dài 23,79m; Phía Nam giáp ngõ đi chung và đất ông Trung được chia có các đoạn gấp khúc dài 5,22m; 6,05m; 3,15m; 1,64m; 4,92m; 1,17m; 3,66m và 1,3m; Phía Tây giáp đất ông Trung được chia có các đoạn gấp khúc dài 4,92m; 7,17m; Phía Đông có các đoạn gấp khúc dài 5,7m; 0,62m và 5,95m

- Chia ông Nguyễn Tiến Trung quản lý, sở hữu, sử dụng 66,2m² đất có giá trị 331.000.000đ trên có nhà tạm xây tôn thuộc thửa số 300, tờ bản đồ 04 (bản đồ 1986) tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội. Có ranh giới như sau: Phía Bắc giáp đất ông Dũng được chia có các đoạn gấp khúc dài 1,64m; 4,92m; 1,17m; 3,66m và 1,3m; Phía Nam giáp đất bà Vĩnh được chia có các đoạn gấp khúc dài

8,71m; 2,99m; Phía Tây giáp ngõ đi chung và đất ông Dũng được chia có đoạn gấp khúc dài 2,95m; 3,15m; Phía Đông dài 5,26m.

- Chia bà Nguyễn Thị Vĩnh quản lý, sở hữu, sử dụng 70,6m² đất có giá trị 353.000.000đ trên có nhà lợp tôn thuộc thửa số 300, tờ bản đồ số 04 (bản đồ 1986) tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội có ranh giới cụ thể như sau: Phía Bắc giáp ngõ đi chung và đất ông Trung được chia có các đoạn gấp khúc dài 1,47m; 8,71m; 2,99m; Phía Nam dài 13,27m; Phía Tây giáp đất ông Trí được chia dài 5,81m; Phía Đông dài 4,8m

- Chia ông Nguyễn Duy Trí quản lý, sở hữu, sử dụng 99,5m² đất có giá trị 497.500.000đ thuộc thửa số 300, tờ bản đồ 04 (bản đồ 1986) tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội có ranh giới như sau: Phía Bắc giáp ngõ đi chung dài 12,95m; Phía Nam dài 14,35m; Phía Tây giáp ngõ đi chung dài 7,68m; Phía Đông giáp đất bà Vĩnh được chia có các đoạn gấp khúc dài 0,92m; 0,53m; 5,81m;

- Chia ông Nguyễn Duy Phúc quản lý, sở hữu, sử dụng 89m² đất có giá trị 445.000.000đ (trên 03 cây vối; có sân bê tông, bếp + công trình phụ đã hư hỏng) thuộc thửa số 300, tờ bản đồ 04 (bản đồ 1986) tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội có ranh giới như sau: Phía Bắc giáp ngõ đi chung dài 11,66m; Phía Nam giáp đất ông Dung (tức Thuyết) được chia có các đoạn gấp khúc dài 1,61m; 8,63m ; Phía Tây có các đoạn gấp khúc dài 4,78m; 2,01m; 1,73m; Phía Đông dài 8,13m;

- Chia ông Nguyễn Duy Dung (tức Thuyết) quản lý, sở hữu, sử dụng 94m² đất có giá trị 470.000.000đ thuộc thửa số 300, tờ bản đồ 04 (bản đồ 1986) tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội có ranh giới như sau: Phía Bắc giáp đất ông Phúc được chia có các đoạn gấp khúc 8,63m; 0,2m; 2m; Phía Nam dài 10,28m; Phía Tây có các đoạn gấp khúc dài 6,43m; 2,4m; Phía Đông dài 8,99m

- Các phần đất được chia có ngõ đi chung diện tích là 88,3m² (trong đó có 38,4m² đất ở và 49,9m² đất vườn), có mặt cắt ngang (chiều rộng ngõ đi) là 2m cụ thể:

- Phía Bắc ngõ đi giáp nhà ông Đức, ông Trung, ông Dũng có đoạn gấp khúc dài 6,57m; 0,55m, 28,62m.

- Phía Nam giáp đất ông Phúc, ông Dung, ông Trí, bà Vĩnh là các đoạn gấp khúc: 6,79m; 0,56; 11,66m, (bể vuông góc về phía Nam) 8,13m, 0,2m; (bể vuông góc về phía Đông) 2m; (bể vuông góc về phía Bắc) 0,76m; 7,68; 12,95m, 0,92m và 0,53m

Buộc gia đình ông Đức giữ bỏ 2,9m² nhà lợp tôn trên diện tích ngõ đi chung.

Ông Trung có trách nhiệm thanh toán cho ông Đức 2.298.000đ, thanh toán cho ông Phúc 6.429.000đ, thanh toán cho ông Trí 5.286.000đ, thanh toán cho ông Dung 280.000đ và cho ông Dũng 7.944.000đ.

Bà Vĩnh có trách nhiệm thanh toán cho ông Đức 2.298.000đ, thanh toán cho ông Phúc 6.429.000đ, thanh toán cho ông Trí 5.286.000đ, ông Dung 286.000đ.

Ông Dũng có trách nhiệm thanh toán cho ông Đức 2.298.000đ, thanh toán cho ông Phúc 6.429.000đ, thanh toán cho ông Trí 5.286.000đ và ông Dung 286.000đ.

Ông Đức có trách nhiệm thanh toán cho ông Trí 2.988.000đ, thanh toán cho ông Phúc 4.131.000đ

Ông Dung có trách nhiệm thanh toán cho ông Đức 2.018.000đ, thanh toán cho ông Phúc 6.143.000đ, thanh toán cho ông Trí 5.000.000đ

Ông Trí phải thanh toán cho ông Phúc là 1.143.000đ.

Các ông Trung, Đức, Dũng, Dung, Phú, Trí và bà Vĩnh có quyền kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm,

Bị đơn ông Nguyễn Duy Đức kháng cáo: Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trung đòi được hưởng 60 m² đất, không đồng ý để ngõ đi chung rộng 02m (cũ là 1,5 m).

Bị đơn ông Nguyễn Duy Dũng kháng cáo: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông Trung đòi chia và hưởng 60 m² đất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo:

- Ông Nguyễn Duy Phúc kháng cáo đề nghị miễn án phí, chia ngõ đi chung từ điểm 28- 29 cân đều sang hai bên.

- Ông Nguyễn Duy Dung (tức Thuyết), bà Nguyễn Thị Hảo, bà Nguyễn Thị Hòa (tức Bảy) kháng cáo không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trung đòi được hưởng 60m² đất và đề nghị để ngõ đi chung rộng 1,5 m như trước đây.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Tiến Trung và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trung vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên yêu cầu chia tài sản chung theo biên bản hợp gia đình ngày 14/4/2016 và yêu cầu trả lại diện tích đất 5% là 64m² đất đã được xã cấp từ năm 1979 – 1980.

Bị đơn ông Nguyễn Duy Đức, Nguyễn Duy Dũng: Không chấp nhận yêu cầu của ông Dũng đòi được hưởng 60 m² và đề nghị Tòa án giữ nguyên ngõ đi chung rộng 1,5m như cụ Vượng đã chia.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Dung (tức Thuyết), bà Hảo, bà Bà Hòa không chấp nhận yêu cầu đòi được hưởng 60 m² đất của ông Trung và đề nghị để ngõ đi chung rộng 1,5 m như trước đây.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Phúc, ông Trí đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu chia tài sản của ông Trung và đề nghị giành ngõ đi chung rộng 2m để đảm bảo việc kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau này.

Đại diện VKSND thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xác định là tài sản chung và chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung là không đúng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị hủy bản án sơ thẩm theo khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của những người kháng cáo trong thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí là hợp lệ theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo đơn khởi kiện ngày 09/6/2017 và quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Tiến Trung yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật và yêu cầu trả lại ông diện tích 64m² đất 5% trong khối di sản cụ Thi, cụ Vượng để lại. Sau đó tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trung thay đổi yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu chia tài sản chung theo biên bản ngày 14/4/2016 và yêu cầu trả lại ông diện tích 64m² đất 5%.

Xét, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa của ông Trung không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên cấp sơ thẩm chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông Trung là phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp chia tài sản chung.

[2] Về nội dung: Xét, kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

[2.1] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng và tranh chấp:

Các đương sự cùng thừa nhận: Cụ Nguyễn Tiến Vượng (chết năm 2001) và cụ Nguyễn Thị Thi (chết năm 1991) có 09 người con là ông Nguyễn Duy Đức, ông Nguyễn Duy Dũng, ông Nguyễn Duy Dung (tức Thuyết), bà Nguyễn Thị Hảo, ông Nguyễn Duy Phúc, bà Nguyễn Thị Vĩnh, ông Nguyễn Duy Trí, bà Nguyễn Thị Hòa (tức Bảy) và ông Nguyễn Tiến Trung. Cụ Thi, cụ Vượng chết không để lại di chúc. Di sản của hai cụ để lại là thửa đất số 300, tờ bản đồ 04 (bản đồ năm 1986) diện tích 948m² tại Đội 7, Vĩnh Ninh, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, Hà Nội, là tài sản

chung của vợ chồng cụ Vượng và cụ Thi. Đo đạc hiện trạng thửa đất có diện tích 997,9m².

Ngày 07/3/1994, Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G877957 đối với 948m² đất nêu trên cho cụ Vượng, trong giấy chứng nhận không ghi rõ diện tích đất ở là bao nhiêu, đất ao là bao nhiêu.

Theo quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 01/6/2017 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy định về hạn mức công nhận quyền sử dụng đất; kích thước, diện tích đất ở tối thiểu được phép tách thửa cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội, xác định diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất ở, diện tích 49,9m² đất vượt quá giấy chứng nhận là đất vườn.

Ngày 29/12/2000 cụ Vượng lập bản khai cho các con đất có nội dung: ông Đức được chia 73,5m² nhà cấp 4 trên diện tích 137,9m² đất; ông Phúc được chia 83m² đất vườn, ông Nguyễn Duy Trí được chia 99,75m² đất vườn; ông Nguyễn Duy Dũng được chia 56m² nhà cấp 4 trên diện tích 112m² đất ở và 108 m² đất ao; ông Nguyễn Duy Dung được chia 96m² đất vườn; ông Nguyễn Tiến Trung được chia nhà cấp 4 26m² trên diện tích 78,3m² đất; bà Vĩnh được chia 72m² đất ao. Tổng là 786,95m². Bản khai tặng này có chữ ký của cụ Vượng, những người được tặng cho và có xác nhận của UBND xã Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội.

Đối với diện tích đất có tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng cụ Vượng và cụ Thi. Năm 1991 cụ Thi chết không để lại di chúc, năm 1994 cụ Vượng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ thửa đất. Nhưng không có tài liệu, chứng cứ về việc cụ Thi tặng cho cụ Vượng phần tài sản của cụ và thể hiện các con của hai cụ cùng thống nhất để cụ Vượng được đứng tên, quản lý, sử dụng định đoạt thửa đất. Vì vậy, việc cụ Vượng định đoạt toàn bộ thửa đất là không phù hợp với quy định của pháp luật.

Nhưng bản khai tặng cho quyền sử dụng đất ngày 29/12/2000 do cụ Vượng lập đã được Ủy ban xã Vĩnh Quỳnh chứng thực, ông Đức, ông Dũng, ông Phúc, ông Trí, ông Dung, ông Trung và bà Vĩnh được cho, tặng đất đều ký vào bản khai. Đối với bà Hảo, bà Hòa không được cụ Vượng chia đất nhưng cũng biết và nhất trí với việc chia đất của cụ Vượng.

Theo cung cấp của chính quyền địa phương có việc diện tích đất tăng là do có sự thay đổi mốc giới với các hộ liền kề. Xác minh tại các hộ liền kề thửa đất, đều xác nhận mốc giới giữa các hộ liền kề và thửa đất của hai cụ để lại đã sử dụng ổn định từ lâu, có ranh giới rõ ràng, không lấn chiếm của nhau, không tranh chấp.

Vì vậy, xác định thửa đất cụ Vượng, cụ Thi để lại có vườn ao gắn liền với nhà được hình thành trước ngày 18/12/1980. Đo đạc hiện trạng thực tế sử dụng có diện tích 997,9m² đất (bao gồm đất ở và ao), phần ao đã được san lấp.

Ngày 28/01/2011, trên cơ sở diện tích được cho tặng, các đồng thừa kế của cụ Vượng đã cùng góp tiền thuê công ty đo đạc xác định diện tích đất của mỗi người, các gia đình đã xây tường bao khuôn viên và sử dụng riêng: ông Phúc sử dụng 98m²; ông Trí sử dụng 105,5m²; ông Dũng sử dụng 112m² đất ở và 225 m² đất ao, ông Đức sử dụng 147m²; ông Dung sử dụng 96,4m²; ông Trung sử dụng 79m² ; bà Vĩnh sử dụng 74,5m² và giành 66,7m² đất làm ngõ đi chung.

Do phát sinh mâu thuẫn nên ngày 14/4/2016, 09 người con của cụ Thi, cụ Vượng đã họp, thống nhất lập , ký biên bản phân chia đất trên cơ sở được cụ Vượng cho, đã thuê đo đạc. Theo biên bản này, ông Phúc được chia 98m²; ông Trí được chia 153,5m²; ông Dũng được chia 112m², ông Đức được chia 149m²; ông Dung được chia 96,4m²; ông Trung được chia 79m² và 60m² đất ao diện tích còn dư; bà Vĩnh được chia 74,5m² và giành 66,7m² đất làm ngõ đi chung. Ông Trung có trách nhiệm dỡ phần bếp đã xây dựng trên phần đất của ông Dung và thanh toán cho ông Dũng chi phí san lấp ao. Nhưng sau đó ông Trung không thực hiện theo đúng biên bản nên nảy sinh tranh chấp.

[2.2] Nguyên đơn ông Nguyễn Tiến Trung cho rằng trong diện tích đất của cụ Vượng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất năm 1994 có 64m² đất 5% là của ông Trung được cấp vào năm 1980 và đã được Ủy ban nhân dân xã xác nhận tại biên bản làm việc ngày 06/9/2014 và ngày 11/9/2014 (BL 18,19,20). Ông Trung yêu cầu trả lại diện tích đất 5% là 64m² đất đã được đối trừ tại diện tích đất ao.

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến Trung đòi trả lại diện tích đất 5% trong thửa đất đang tranh chấp.

Xét, xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Quỳnh cung cấp: Không có quyết định hoặc văn bản nào về việc giao, đổi đất 5% vào năm 1980 cho cụ Thi, ông Trung. Nội dung các biên bản như ông Trung trình bày chỉ ghi ý kiến của các hộ gia đình không phải là quyết định của Ủy ban.

Mặt khác từ lúc hai cụ còn sống, khi cụ Vượng được cấp giấy chứng nhận và quá trình quản lý sử dụng diện tích đất nêu trên ông Trung không có ý kiến, không có yêu cầu gì, không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh về 64m² đất 5% của ông Trung được cấp đổi vào năm 1979 -1980. Vì vậy, yêu cầu của ông Trung đòi trả lại diện tích đất 5% là 64m² trong thửa đất của cụ Vượng, cụ Thi là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Bản án sơ thẩm nhận định trong diện tích đất của cụ Vượng, cụ Thi để lại có 64m² đất 5% được cấp đổi vào năm 1979-1980 của ông Trung là chưa đủ cơ sở vững chắc, vì vậy sửa án sơ thẩm về nhận định này.

[2.2] Xét, Biên bản họp gia đình phân chia đất ngày 14/4/2016 tuy chưa đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 692 Bộ luật dân sự năm 2005. Nhưng là sự phân chia nhà đất thể hiện đúng ý nguyện của cụ Vượng khi còn sống và là sự tự nguyện thỏa thuận của tất cả những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Vượng, Thi.

Tại cấp phúc thẩm nguyên đơn ông Trung giữ nguyên yêu cầu chia tài sản theo biên Bản họp gia đình phân chia đất ngày 14/4/2016. Các đương sự khác cũng xác nhận đã thỏa thuận phân chia di sản của cụ Thi, cụ Vượng theo ý nguyện của cụ Vượng và biên bản họp gia đình.

Mặt khác theo biên bản phân chia này, các ông bà được phân chia đất đã sử dụng ổn định và có ranh giới riêng từ năm 2011 đến nay. Quá trình quản lý, sử dụng, ông Đức cùng vợ là bà Đỗ Thị Thỉnh đã xây dựng nhà ở mái bằng một tầng một tum, nhà lợp tôn, công trình phụ, cổng, sân tường bao để sử dụng; bà Vĩnh đã dựng nhà lợp tôn; vợ chồng ông Trung, bà Nguyễn Thị Nga xây nhà tạm lợp tôn diện tích khoảng 17m² và vợ chồng ông Dũng, bà Trần Thị Đỗ xây nhà 3 tầng cùng sân cổng tường rào để sử dụng.

Vì vậy, biên bản họp gia đình phân chia đất ngày 14/4/2016 phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung theo biên bản ngày 14/4/2016 của ông Trung.

Xác định di sản của cụ Vượng, cụ Thi để lại là thừa số 300, tờ bản đồ 04 (theo hệ bản đồ đo đạc năm 1987 và 1994) đã được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G877957 ngày 07/3/1994, diện tích 948 m² (đo đạc thực tế 997,9m²) tại Đội 7, Vĩnh Ninh, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, Hà Nội đã được các đồng thừa kế của cụ Vượng, cụ Thi thỏa thuận phân chia tài sản chung theo biên bản họp gia đình ngày 14/4/2016.

Căn cứ vào biên bản định giá tài sản ngày 27/7/2018 và Biên bản định giá tài sản bổ sung ngày 24/01/2019 đo đạc hiện trạng thực tế sử dụng có diện tích 997,9m² đất (bao gồm đất ở và ao), phần ao đã được san lấp. Giá trị quyền sử dụng đất ở là 5.000.000đ/m²; giá trị quyền sử dụng đất vườn là 2.000.000đ/m².

Các công trình do gia đình ông Đức xây dựng: nhà 1 tầng, 1 tum có giá trị 122.295.360đ; nhà lợp tôn có giá trị 8.414.640đ, cổng sắt có giá trị 1.509.120đ, tường rào có giá trị 7.795.699đ, nhà vệ sinh, nhà tắm có giá trị 1.591.191đ, tường gạch có giá trị 1.147.857đ, công sức san lấp tôn nền có giá trị 100.000đ/m³; Nhà do gia đình bà Vĩnh xây: Nhà lợp tôn có giá trị 16.164.003đ; Nhà do gia đình ông Trung quản lý: Nhà cấp 4 mái ngói có giá trị 8.293.978đ, sân lát gạch có giá trị 8.414.640đ, nhà tạm xây tôn có giá trị 10.82.263đ; nhà do gia đình ông Dũng xây dựng: Nhà 3 tầng có giá trị 2.020.422.940đ, sân lát gạch có giá trị 16.558.650đ, cổng sắt có giá trị 537.000đ,

tường rào có tổng giá trị 13.620.203đ; Công sức đổ đất, san lấp ao của ông Dũng, bà Vĩnh là 120.000đ/m³.

Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Tiến Trung đòi quyền sử dụng 66,2m² đất trên có nhà tạm quây tôn thuộc thửa số 300, tờ bản đồ 04 (bản đồ 1986) tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội không có cơ sở chấp nhận như đã nhận định nêu trên.

Xét, ông Dũng có công san lấp toàn bộ diện tích 66,2m² và quản lý sử dụng. Kết quả định giá ông Dũng san lấp toàn bộ diện tích 66,2m² x 120.000đ x 2m = 7.944.000 đồng. Phần nhà tạm quây tôn do ông Trung tự làm có giá trị 10.82.263đ, nhưng năm 2014 khi ông Trung làm nhà tạm quây tôn trên diện tích này đã bị Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Quỳnh, trưởng thôn Vĩnh Ninh lập biên bản đình chỉ thi công, giữ nguyên hiện trạng.

Vì vậy, sửa bản án sơ thẩm, chia ông Nguyễn Duy Dũng quản lý, sử dụng 66,2m² đất có giá trị 331.000.000đ thuộc thửa số 300, tờ bản đồ 04 (bản đồ 1986) tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội.

Ông Nguyễn Tiến Trung có trách nhiệm tự tháo dỡ, di chuyển nhà tạm quây tôn hoặc bị cưỡng chế để bàn giao lại 66,2m² đất nêu trên cho ông Nguyễn Duy Dũng.

[2.3] Xét kháng cáo của các đương sự đề nghị để ngõ đi chung rộng 1,5 m như trước đây.

Nhưng căn cứ quy định tại Quyết định số 20 ngày 01/6/2017 của UBND thành phố Hà Nội thì khi chia tách thửa đất có hình thành ngõ đi sử dụng riêng thì ngõ đi phải có mặt cắt ngang từ 2m trở lên đối với thửa đất thuộc khu vực các xã vì vậy giành ngõ đi chung cho các thửa đất được chia tách có ngõ đi chiều rộng mặt cắt ngang là 2m. Chủ sử dụng các thửa đất được chia tách sẽ phải thanh toán giá trị phần ngõ đi mở rộng cho những người bị lấy diện tích đất cho đủ 2m mặt cắt ngõ đi. Cấp sơ thẩm giành ngõ đi với chiều rộng 2m để đảm bảo việc kê khai cấp giấy chứng nhận của các đương sự là phù hợp.

Kháng cáo của các đương sự không có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Từ những nhận định nêu trên, sửa một phần bản án sơ thẩm chia tài sản chung theo biên bản họp gia đình ngày 14/4/2016 đối với diện tích đo đạc thực tế là 997,9m² thửa số 300, tờ bản đồ 04 tại Đội 7, Vĩnh Ninh, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, Hà Nội như sau:

- **Chia ông Nguyễn Duy Đức quản lý, sở hữu sử dụng 143m² đất** (có giá trị 715.000.000đ) trên có nhà 1 tầng 1 tum, nhà lợp tôn; cổng sắt; tường rào gạch hoa sắt; nhà vệ sinh; nhà tắm, tường gạch thuộc thửa đất 300, tờ bản đồ 04 (bản đồ 1986) tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội (Có sơ đồ kèm theo).

- **Chia ông Nguyễn Tiến Trung quản lý sở hữu, sử dụng 79,5m² đất** có giá trị 397.500.000đ trên có nhà ngói, sân gạch thuộc thửa số 300, tờ bản đồ 04 (bản đồ 1986) tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội (Có sơ đồ kèm theo).

- **Chia ông Nguyễn Duy Dũng quản lý, sở hữu, sử dụng 268m² đất** (có giá trị 1.340.000.000đ) trên có nhà 3 tầng; sân gạch, cổng sắt, tường rào, 01 cây sung, 01 cây dừa và 66,2m² đất có giá trị 331.000.000đ thuộc thửa số 300, tờ bản đồ 04 (bản đồ 1984) tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội (Có sơ đồ kèm theo).

- **Chia bà Nguyễn Thị Vĩnh quản lý, sở hữu, sử dụng 70,6m² đất** có giá trị 353.000.000đ trên có nhà lợp tôn thuộc thửa số 300, tờ bản đồ số 04 (bản đồ 1986) tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội (Có sơ đồ kèm theo).

- **Chia ông Nguyễn Duy Trí quản lý, sở hữu, sử dụng 99,5m² đất** có giá trị 497.500.000đ thuộc thửa số 300, tờ bản đồ 04 (bản đồ 1986) tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội (Có sơ đồ kèm theo).

- **Chia ông Nguyễn Duy Phúc quản lý, sở hữu, sử dụng 89m² đất** có giá trị 445.000.000đ (trên 03 cây vối; có sân bê tông, bếp + công trình phụ đã hư hỏng) thuộc thửa số 300, tờ bản đồ 04 (bản đồ 1986) tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội (có sơ đồ kèm theo).

- **Chia ông Nguyễn Duy Dung (tức Thuyết) quản lý, sở hữu, sử dụng 94m² đất** có giá trị 470.000.000đ thuộc thửa số 300, tờ bản đồ 04 (bản đồ 1986) tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội (Có sơ đồ kèm theo).

Các phần đất được chia có ngõ đi chung diện tích là 88,3m² (trong đó có 38,4m² đất ở và 49,9m² đất vườn), có mặt cắt ngang (chiều rộng ngõ đi) là 2m cụ thể:

Phía Bắc ngõ đi giáp nhà ông Đức, ông Trung, ông Dũng có đoạn gấp khúc dài 6,57m; 0,55m, 28,62m

Phía Nam giáp đất ông Phúc, ông Dung, ông Trí, bà Vĩnh là các đoạn gấp khúc: 6,79m; 0,56; 11,66m, (bể vuông góc về phía Nam) 8,13m, 0,2m; (bể vuông góc về phía Đông) 2m; (bể vuông góc về phía Bắc) 0,76m; 7,68; 12,95m, 0,92m và 0,53m

Trên ngõ đi chung này có 2,9m² nhà lợp tôn của gia đình ông Đức có giá trị 1.584.000đ và giá trị quyền sử dụng 2,9m² đất ông Đức phải bỏ ra làm ngõ đi chung là 14.500.000đ. Tổng cộng là 16.084.000đ.

Ông Phúc có diện tích bỏ làm ngõ đi chung là 9m² có giá trị là 45.000.000đ

Ông Trí có diện tích bỏ ra làm ngõ đi chung là 7,4m², có giá trị là 37.000.000đ

Ông Dung có diện tích bỏ ra làm ngõ đi chung là 0,4m² có giá trị là 2.000.000đ

Ông Trung, ông Dũng, ông Trí, ông Phúc, ông Dung (tức Thuyết), bà Vĩnh có trách nhiệm trả cho ông Đức mỗi người là $16.084.000 : 7 = 2.298.000\text{đ}$ (làm tròn)

Ông Trung, ông Dũng, ông Trí, ông Phúc, ông Dung (tức Thuyết), bà Vĩnh có trách nhiệm thanh toán cho ông Phúc mỗi người là 45.000.000đ: 7 = 6.429.000đ (làm tròn).

Ông Trung, ông Dũng, bà Vĩnh, ông Thuyết, ông Trí, ông Phúc, ông Đức có trách nhiệm thanh toán cho ông Trí mỗi người là 37.000.000đ : 7 = 5.286.000đ (làm tròn).

Ông Trung, ông Thuyết, ông Đức, ông Dũng, bà Vĩnh, ông Phúc, ông Trí phải thanh toán cho ông Thuyết mỗi người là 2.000.000đ : 7 = 286.000đ

Đối trừ nghĩa vụ ông Đức phải thanh toán cho ông Phúc là 4.131.000đ, cho ông Trí là 2.988.000đ.

Ông Dung phải thanh toán cho ông Đức là 2.012.000đ.

Ông Trí phải thanh toán cho ông Phúc là 1.143.000đ.

Ông Dung phải thanh toán cho ông Trí là 5.000.000đ, ông Phúc 6.143.000đ.

Để đảm bảo cho việc sử dụng ngõ đi chung, buộc gia đình ông Đức tháo dỡ 2,9m² nhà mái tôn trên lối đi chung.

Ông Đức, ông Trung, ông Dũng, ông Dung, ông Phúc, ông Trí, bà Vĩnh được kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[2.5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3] Về án phí.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy Phúc kháng cáo xin miễn án phí vì đã cao tuổi.

Xét, ông Nguyễn Duy Phúc, sinh năm 1947, ông Nguyễn Duy Đức, sinh năm 1945, ông Nguyễn Duy Trí, sinh năm 1957, bà Nguyễn Thị Vĩnh, sinh năm 1952 là người cao tuổi nên thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi “Người cao tuổi được quy định trong Luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên” và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, án phí và lệ phí Tòa án. Kháng cáo của ông Phúc có căn cứ được chấp nhận. Sửa bản án sơ thẩm, các đương sự là ông Phúc, ông Trí, bà Vĩnh không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Tiến Trung phải chịu 19.875.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.075.000đ tại phiếu thu số 8590 ngày 03/11/2017 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, nay còn phải nộp tiếp 13.800.000đ; ông Nguyễn Duy Dũng phải chịu 86.840.000đ. ông Nguyễn Duy Dung phải chịu 22.80.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm dân sự: Bản án dân sự sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 207, 208, 209, 219, 357, 468 BLDS năm 2015.

Điều 95, 99, 100, 166, 188, 203 Luật đất đai 2013

Nghị định số 43/204/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ

Điều 2 Luật Người cao tuổi; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Quyết định số 20/2017/QĐ- UBND ngày 01/6/2017 của UBND thành phố Hà Nội

Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Duy Dũng, ông Nguyễn Duy Đức, ông Nguyễn Duy Phúc, ông Nguyễn Duy Dung (tức Thuyết), bà Nguyễn Thị Hảo, bà Nguyễn Thị Hòa (tức Bảy). Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DSST ngày 05/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì và Quyết định như sau:

[1] Xác nhận cụ Nguyễn Tiến Vượng (chết năm 2001) và cụ Nguyễn Thị Thi (chết năm 1991) có 09 người con là ông Nguyễn Duy Đức, ông Nguyễn Duy Dũng, ông Nguyễn Duy Dung (tức Thuyết), bà Nguyễn Thị Hảo, ông Nguyễn Duy Phúc, bà Nguyễn Thị Vĩnh, ông Nguyễn Duy Trí, bà Nguyễn Thị Hòa (tức Bảy) và ông Nguyễn Tiến Trung. Cụ Thi, cụ Vượng chết không để lại di chúc.

[2] Xác nhận Di sản của của cụ Nguyễn Thị Thi và cụ Nguyễn Tiến Vượng để lại là thửa đất số 300, tờ bản đồ 04 (bản đồ năm 1986) đo đạc hiện trạng diện tích 997,9m² tại Đội 7, thôn Vĩnh Ninh, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, Hà Nội, có giá trị là 4.839.800.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng cụ Vượng, cụ Thi.

[3] Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông Nguyễn Tiến Trung đối với ông Nguyễn Duy Đức, ông Nguyễn Duy Dũng.

Xác nhận văn bản họp gia đình về việc chia tài sản chung ngày 14/4/2016 có hiệu lực pháp luật.

[4] Chia tài sản chung theo biên bản họp gia đình ngày 14/4/2016 đối với diện tích 997,9m² thửa số 300, tờ bản đồ 04 tại Đội 7, Vĩnh Ninh, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, Hà Nội như sau:

[4.1] Chia ông Nguyễn Duy Đức quản lý, sở hữu sử dụng 143m² đất (có giá trị 715.000.000đ) trên có nhà 1 tầng 1 tum, nhà lợp tôn; cổng sắt; tường rào gạch hoa sắt; nhà vệ sinh; nhà tắm, tường gạch thuộc thửa đất 300, tờ bản đồ 04 (bản đồ 1986) tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội, có ranh giới cụ thể và sơ đồ kèm theo, như sau:

+ Cạnh phía Bắc có các đoạn gấp khúc dài 6,84m;3,48m;6,09m; 6,42m

+ Phía Nam giáp ngõ đi chung có các đoạn gấp khúc dài 6,57m; 0,55m; 10,43m,

+Phía Tây giáp ngõ đi dài 4,63m

+ Phía Đông giáp đất ông Trung được chia có các đoạn gấp khúc dài 4,04,m; 7,03m;

[4.2] Chia ông Nguyễn Tiến Trung quản lý sở hữu, sử dụng 79,5m² đất có giá trị 397.500.000đ trên có nhà ngói, sân gạch thuộc thửa số 300, tờ bản đồ 04 (bản đồ 1986) tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội có ranh giới cụ thể và sơ đồ kèm theo, như sau:

+ Phía Bắc dài 6,4m

+ Phía Nam giáp ngõ đi chung là 6,92m

+ Phía Tây giáp đất ông Đức được chia có các đoạn gấp khúc dài 4,04m; 7,03m; 0,57m

+ Phía Đông giáp đất ông Dũng được chia có các đoạn gấp khúc dài 4,92m; 7,17m

[4.3] Chia ông Nguyễn Duy Dũng quản lý, sở hữu, sử dụng 268m² đất (có giá trị 1.340.000.000đ) trên có nhà 3 tầng; sân gạch, cổng sắt, tường rào, 01 cây sung, 01 cây dừa thuộc thửa số 300, tờ bản đồ 04 (bản đồ 1984) tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội có tứ cận và sơ đồ kèm theo như sau:

+ Phía Bắc dài 23,79m

+ Phía Nam giáp ngõ đi chung và đất ông Trung được chia có các đoạn gấp khúc dài 5,22m; 6,05m; 3,15m; 1,64m; 4,92m; 1,17m; 3,66m và 1,3m

+ Phía Tây giáp đất ông Trung được chia có các đoạn gấp khúc dài 4,92m; 7,17m

+ Phía Đông có các đoạn gấp khúc dài 5,7m; 0,62m và 5,95m

[4.4] Chia ông Nguyễn Duy Dũng quản lý, sử dụng 66,2m² đất có giá trị 331.000.000đ thuộc thửa số 300, tờ bản đồ 04 (bản đồ 1986) tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội. Có ranh giới và sơ đồ kèm theo như sau:

+ Phía Bắc giáp đất ông Dũng được chia có các đoạn gấp khúc dài 1,64m; 4,92m; 1,17m; 3,66m và 1,3m

+ Phía Nam giáp đất bà Vĩnh được chia có các đoạn gấp khúc dài 8,71m; 2,99m

+ Phía Tây giáp ngõ đi chung và đất ông Dũng được chia có đoạn gấp khúc dài 2,95m; 3,15m.

+ Phía Đông dài 5,26m.

Ông Nguyễn Tiến Trung có trách nhiệm tự tháo dỡ, di chuyển nhà tạm xây tôn hoặc bị cưỡng chế để bàn giao lại 66,2m² đất nêu trên cho ông Nguyễn Duy Dũng.

[4.5] Chia bà Nguyễn Thị Vĩnh quản lý, sở hữu, sử dụng 70,6m² đất có giá trị 353.000.000đ trên có nhà lợp tôn thuộc thửa số 300, tờ bản đồ số 04 (bản đồ 1986) tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội có ranh giới cụ thể và sơ đồ kèm theo như sau:

- + Phía Bắc giáp ngõ đi chung và đất ông Trung được chia có các đoạn gấp khúc dài 1,47m; 8,71m; 2,99m

- + Phía Nam dài 13,27m

- + Phía Tây giáp đất ông Trí được chia dài 5,81m

- + Phía Đông dài 4,8m

[4.6] Chia ông Nguyễn Duy Trí quản lý, sở hữu, sử dụng 99,5m² đất có giá trị 497.500.000đ thuộc thửa số 300, tờ bản đồ 04 (bản đồ 1986) tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội có ranh giới và sơ đồ kèm theo như sau:

- + Phía Bắc giáp ngõ đi chung dài 12,95m

- + Phía Nam dài 14,35m

- + Phía Tây giáp ngõ đi chung dài 7,68m

- + Phía Đông giáp đất bà Vĩnh được chia có các đoạn gấp khúc dài 0,92m; 0,53m; 5,81m

[4.7] Chia ông Nguyễn Duy Phúc quản lý, sở hữu, sử dụng 89m² đất có giá trị 445.000.000đ (trên 03 cây vối; có sân bê tông, bếp + công trình phụ đã hư hỏng) thuộc thửa số 300, tờ bản đồ 04 (bản đồ 1986) tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội có ranh giới và sơ đồ kèm theo như sau:

- + Phía Bắc giáp ngõ đi chung dài 11,66m

- + Phía Nam giáp đất ông Dung (tức Thuyết) được chia có các đoạn gấp khúc dài 1,61m; 8,63m

- + Phía Tây có các đoạn gấp khúc dài 4,78m; 2,01m; 1,73m

- + Phía Đông dài 8,13m

[4.8] Chia ông Nguyễn Duy Dung (tức Thuyết) quản lý, sở hữu, sử dụng 94m² đất có giá trị 470.000.000đ thuộc thửa số 300, tờ bản đồ 04 (bản đồ 1986) tại Đội 7, Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội có ranh giới và sơ đồ kèm theo như sau:

- + Phía Bắc giáp đất ông Phúc được chia có các đoạn gấp khúc 8,63m; 0,2m; 2m

- + Phía Nam dài 10,28m

- + Phía Tây có các đoạn gấp khúc dài 6,43m; 2,4m

- + Phía Đông dài 8,99m

[4.9] Các phần đất được chia có ngõ đi chung diện tích là 88,3m² (trong đó có 38,4m² đất ở và 49,9m² đất vườn), có mặt cắt ngang (chiều rộng ngõ đi) là 2m cụ thể:

Phía Bắc ngõ đi giáp nhà ông Đức, ông Trung, ông Dũng có đoạn gấp khúc dài 6,57m; 0,55m, 28,62m

Phía Nam giáp đất ông Phúc, ông Dung, ông Trí, bà Vĩnh là các đoạn gấp khúc: 6,79m; 0,56; 11,66m, (bể vuông góc về phía Nam) 8,13m, 0,2m; (bể vuông góc về phía Đông) 2m; (bể vuông góc về phía Bắc) 0,76m; 7,68; 12,95m, 0,92m và 0,53m

Buộc gia đình ông Đức dỡ bỏ 2,9m² nhà lợp tôn trên diện tích ngõ đi chung.

[4.10] Ông Trung có trách nhiệm thanh toán cho ông Đức 2.298.000đ, thanh toán cho ông Phúc 6.429.000đ, thanh toán cho ông Trí 5.286.000đ, thanh toán cho ông Dung 280.000đ.

Bà Vĩnh có trách nhiệm thanh toán cho ông Đức 2.298.000đ, thanh toán cho ông Phúc 6.429.000đ, thanh toán cho ông Trí 5.286.000đ, ông Dung 286.000đ.

Ông Dũng có trách nhiệm thanh toán cho ông Đức 2.298.000đ, thanh toán cho ông Phúc 6.429.000đ, thanh toán cho ông Trí 5.286.000đ và ông Dung 286.000đ.

Ông Đức có trách nhiệm thanh toán cho ông Trí 2.988.000đ, thanh toán cho ông Phúc 4.131.000đ

Ông Dung có trách nhiệm thanh toán cho ông Đức 2.018.000đ, thanh toán cho ông Phúc 6.143.000đ, thanh toán cho ông Trí 5.000.000đ

Ông Trí phải thanh toán cho ông Phúc là 1.143.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS

Các ông Trung, Đức, Dũng, Dung, Phú, Trí và bà Vĩnh có quyền và nghĩa vụ chủ động liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật

[5] Về án phí.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tiến Trung phải chịu 19.875.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.075.000đ tại phiếu thu số 8590 ngày 03/11/2017 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, nay còn phải nộp tiếp 13.800.000đ; ông Nguyễn Duy Dũng phải chịu 86.840.000đ, bà Nguyễn Thị Vĩnh phải chịu 17.500.000đ, ông Nguyễn Duy Trí phải chịu 25.073.000đ, ông Nguyễn Duy Dung phải chịu 22.80.000đ, ông Nguyễn Duy Phúc phải chịu 23.296.000đ án phí dân sự có giá ngạch. Ông Nguyễn Duy Đức không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch

Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Duy Dũng, ông Nguyễn Duy Đức, ông Nguyễn Duy Phúc, ông Nguyễn Duy Dung (tức Thuyết), bà Nguyễn Thị Hảo, bà Nguyễn Thị Hòa (tức Bẩy) không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông Phúc 300.000 theo biên lai số AA/2016/0009079 ngày 16/8/2019; ông Nguyễn Duy Dung (tức Thuyết) 300.000đ theo biên lai số AA/2016/0009086, bà Nguyễn Thị Hoà

300.000đ theo biên lai số AA/2016/0009087, ông Nguyễn Duy Dũng 300.000đ theo biên lai số AA/2016/0009084, bà Nguyễn Thị Hảo 300.000đ theo biên lai số AA/2016/0009085, cùng ngày 19/8/2019 tại thi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

Bản án dân sự phúc thẩm xét xử công khai và có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- Viện kiểm sát TP Hà Nội;
- Toà án huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP

